

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ  
VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

---

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	03 - 05
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06 - 07
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 cấp lần đầu ngày 10/11/2003 thay đổi lần thứ 08 ngày 25/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 25/05/2018 là 29.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng*).

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vi Trung Sơn	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Hoàng Như Đô	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Văn Bảy	Thành viên
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra trong niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**6. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 22 tháng 02 năm 2019

**TM. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**



**Hoàng Hữu Tuấn**

Số: 02/2019/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, được trình bày từ trang 08 đến trang 32 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Trần Thị Nguyệt**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0589-2018-242-1

**Trần Thị Yến Ngọc**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0926-2019-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.317.323.470</b>	<b>34.442.925.419</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.077.394.779</b>	<b>1.630.617.029</b>
1. Tiền	111	5.1	6.077.394.779	1.630.617.029
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.081.540.964</b>	<b>25.491.254.580</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.076.033.882	24.010.490.006
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	-	1.480.764.574
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	8.000.000.000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	5.507.082	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>2.158.387.727</b>	<b>7.280.142.733</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.158.387.727	7.280.142.733
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>40.911.077</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	-	40.911.077
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.565.147.549</b>	<b>14.944.137.789</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>248.689.654</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	248.689.654
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.565.147.549</b>	<b>14.695.448.135</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	13.522.549.080	14.644.023.210
- Nguyên giá	222		17.596.402.786	17.596.402.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.073.853.706)	(2.952.379.576)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	42.598.469	51.424.925
- Nguyên giá	228		112.752.000	112.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.153.531)	(61.327.075)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>31.882.471.019</b>	<b>49.387.063.208</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>383.442.363</b>	<b>18.141.559.211</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>383.442.363</b>	<b>15.591.559.211</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	-	11.558.754.743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	-	724.388.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	383.442.363	96.416.113
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	-	12.000.084
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	-	3.200.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>2.550.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	-	2.550.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.13</b>	<b>31.499.028.656</b>	<b>31.245.503.997</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>31.499.028.656</b>	<b>31.245.503.997</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.550.000.000	29.550.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.949.028.656	1.695.503.997
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.695.503.997	831.787.778
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		253.524.659	863.716.219
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>31.882.471.019</b>	<b>49.387.063.208</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Nguyễn Minh Khuê

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến

Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 – DN

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	<b>33.924.171.180</b>	<b>139.022.375.621</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>33.924.171.180</b>	<b>139.022.375.621</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	28.874.681.401	131.044.039.789
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>5.049.489.779</b>	<b>7.978.335.832</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	198.567.103	54.743.303
7. Chi phí tài chính	22	6.5	563.737.834	572.331.258
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		563.737.834	572.331.258
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	3.954.802.308	6.135.214.816
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>729.516.740</b>	<b>1.325.533.061</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	760.973	11.329.382
12. Chi phí khác	32	6.7	330.703.932	206.482.032
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(329.942.959)</b>	<b>(195.152.650)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>399.573.781</b>	<b>1.130.380.411</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	146.049.122	266.664.192
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>253.524.659</b>	<b>863.716.219</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		86	292
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Minh Khuê

Trần Thị Hồng Mên

Hoàng Hữu Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>399.573.781</b>	<b>1.130.380.411</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.130.300.586	1.086.174.745
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(198.567.103)	(54.743.303)
- Chi phí lãi vay	06		563.737.834	572.331.258
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.895.045.098</b>	<b>2.734.143.111</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.658.403.269	(12.486.829.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.121.755.006	32.258.122.242
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.028.254.892)	(18.814.778.684)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(563.737.834)	(572.331.258)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(85.000.000)	(292.390.784)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17.998.210.647</b>	<b>2.825.934.920</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.993.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			273.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1.753.453.182
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		198.567.103	54.743.303
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.801.432.897)</b>	<b>(2.912.503.515)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	34.984.472.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.750.000.000)	(33.934.472.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.750.000.000)</b>	<b>1.050.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>4.446.777.750</b>	<b>963.431.405</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.630.617.029</b>	<b>667.185.624</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>6.077.394.779</b>	<b>1.630.617.029</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng





Nguyễn Minh Khuê

Trần Thị Hồng Mến

Hoàng Hữu Tuấn

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 cấp lần đầu ngày 10/11/2003 thay đổi lần thứ 08 ngày 25/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 25/05/2018 là 29.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng*).

### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: xây lắp điện, sản xuất, mua bán vật tư thiết bị điện.

### **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

## **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 12/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 12/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Quyền sử dụng đất 25 năm

**4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu hợp đồng xây dựng gồm:

- Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng xây dựng;
- Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng, các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Đối với hợp đồng với giá cố định, kết quả hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (04) điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn hai (02) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;

Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**4.11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.12. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế GTGT, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**4.14. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.15. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh 8.7

**4.16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính sau: xây lắp điện.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	920.414.219	130.566.733
Tiền gửi ngân hàng	5.156.980.560	1.500.050.296
<b>Cộng</b>	<b>6.077.394.779</b>	<b>1.630.617.029</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>2.076.033.882</b>	<b>24.010.490.006</b>
- Điện lực Nam Định	424.591	3.011.143.856
- Điện lực Phú Thọ	1.861.725.575	8.899.313.687
- Công ty TNHH Cơ điện Tâm Phát	213.883.716	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	12.100.032.463
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>1.480.764.574</b>
- Công ty TNHH Xây lắp và thiết bị điện TPC	-	410.494.506
- Công ty Điện lực Phú Thọ	-	133.595.243
- Công ty TNHH SX-TM-XD điện Chung Nam	-	662.100.065
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	-	274.574.760
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.005.507.082</b>	-	-	-
- Phải thu về cho vay	8.000.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Đức Thành (1)	2.000.000.000	-	-	-
+ Ông Vũ Thái Việt (2)	2.000.000.000	-	-	-
+ Ông Vũ Quốc Trị (3)	1.000.000.000	-	-	-
+ Ông Phạm Đức Nguyễn (4)	2.000.000.000	-	-	-
+ Ông Đinh Tuấn Lộc (5)	1.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	5.507.082	-	-	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	5.507.082	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>248.689.654</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	248.689.654	-

(1) Hợp đồng cho vay số 01/2018 ngày 31/07/2018, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm;

(2) Hợp đồng cho vay số 02/2018 ngày 31/07/2018, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm;

(3) Hợp đồng cho vay số 03/2018 ngày 15/11/2018, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm;

(4) Hợp đồng cho vay số 04/2018 ngày 15/11/2018, thời gian vay 1 năm, lãi suất 8%/năm;

(5) Hợp đồng cho vay số 05/2018 ngày 16/11/2018, thời gian vay 1 năm, lãi suất 8%/năm;

**5.5 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.158.387.727	-	4.430.094.779	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	5.000.006	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	2.845.047.948	-
<b>Cộng</b>	<b>2.158.387.727</b>	<b>-</b>	<b>7.280.142.733</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ		Cộng
						Khác	
<b>I. Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	7.765.008.191	2.264.749.995	5.929.711.189	94.076.264	1.542.857.147		<b>17.596.402.786</b>
Tăng trong năm							
- Mua trong năm							
Giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	7.765.008.191	2.264.749.995	5.929.711.189	94.076.264	1.542.857.147		<b>17.596.402.786</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	552.275.980	1.786.415.667	519.884.389	93.803.540			<b>2.952.379.576</b>
Tăng trong năm	327.760.952	195.816.610	597.623.844	272.724			<b>1.121.474.130</b>
- Số khấu hao trong năm	327.760.952	195.816.610	597.623.844	272.724			<b>1.121.474.130</b>
- Tăng khác							
Giảm trong năm							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	880.036.932	1.982.232.277	1.117.508.233	94.076.264			<b>4.073.853.706</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu năm	7.212.732.211	478.334.328	5.409.826.800	272.724	1.542.857.147		<b>14.644.023.210</b>
2. Tại ngày cuối năm	6.884.971.259	282.517.718	4.812.202.956		1.542.857.147		<b>13.522.549.080</b>

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.060.697.570

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.7 TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	112.752.000	-	-	-	-	112.752.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	112.752.000	-	-	-	-	112.752.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	61.327.075	-	-	-	-	61.327.075
Tăng trong năm	8.826.456	-	-	-	-	8.826.456
- Số khấu hao trong năm	8.826.456	-	-	-	-	8.826.456
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	70.153.531	-	-	-	-	70.153.531
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	51.424.925	-	-	-	-	51.424.925
2. Tại ngày cuối năm	42.598.469	-	-	-	-	42.598.469

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

5.8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	-	-	<b>11.558.754.743</b>	<b>11.558.754.743</b>
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Tiên Phong	-	-	1.552.558.000	1.552.558.000
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh TM Nam Bình	-	-	1.214.356.000	1.214.356.000
- Công ty TNHH Đầu tư XD & TM Bảo Minh	-	-	1.642.767.500	1.642.767.500
- Công ty TNHH XD & PT TM Gia Hưng	-	-	1.617.112.200	1.617.112.200
- Công ty TNHH Đại Nguyên Dương	-	-	1.804.952.600	1.804.952.600
- Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	3.727.008.443	3.727.008.443
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				

5.9 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	-	-	<b>724.388.271</b>	<b>724.388.271</b>
- Công ty Cổ phần Hoàng thành Nha Trang	-	-	724.388.221	724.388.221,00
- Đối tượng khác	-	-	50	50
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>				
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				

**5.10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>96.416.113</b>	<b>1.175.767.166</b>	<b>888.740.916</b>	<b>383.442.363</b>
- Thuế GTGT	96.416.113	1.029.599.622	762.711.416	363.304.319
- Thuế TNDN	-	105.138.044	85.000.000	20.138.044
- Tiền thuê đất	-	37.027.500	37.027.500	-
- Các loại thuế khác	-	4.002.000	4.002.000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
- Thuế TNDN	40.911.077	-	40.911.077	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.11 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	<b>12.000.084</b>
- Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế	-	12.000.084
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**ÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.12 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	-	-	-	<b>3.200.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>
- Vay cá nhân	-	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
+ Bà Trần Thị Hồng	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Đào	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
+ Ông Lê Hải Hường	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Trần Thị Hoa	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Ngân	-	-	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Oanh	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>2.550.000.000</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>2.550.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>5.750.000.000</b>	<b>5.750.000.000</b>	<b>5.750.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

#### 5.13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	29.550.000.000				831.787.778	30.381.787.778
Tăng vốn năm trước	-					-
Lãi trong năm trước					863.716.219	863.716.219
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	29.550.000.000				1.695.503.997	31.245.503.997
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong năm nay					253.524.659	253.524.659
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ do hoàn nhập trong năm nay						-
Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	29.550.000.000				1.949.028.656	31.499.028.656



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	29.550.000.000	29.550.000.000
<b>Cộng</b>		<b>29.550.000.000</b>	<b>29.550.000.000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	29.550.000.000	29.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

**f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**5.14 CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>33.924.171.180</b>	<b>139.022.375.621</b>
- Doanh thu thành phẩm	3.429.613.250	11.062.643.307
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	30.494.557.930	127.959.732.314
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		-
<b>6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
<b>6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Giá vốn của hàng đã bán</b>	<b>28.874.681.401</b>	<b>131.044.039.789</b>
- Giá vốn của thành phẩm	3.199.442.436	10.840.676.810
- Giá vốn của hợp đồng xây lắp	25.675.238.965	120.203.362.979
<b>Cộng</b>	<b>28.874.681.401</b>	<b>131.044.039.789</b>
<b>6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	198.567.103	54.743.303
<b>Cộng</b>	<b>198.567.103</b>	<b>54.743.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền vay	563.737.834	572.331.258
<b>Cộng</b>	<b>563.737.834</b>	<b>572.331.258</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
Lãi từ hoạt động thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	11.295.426
- Các khoản khác	760.973	33.956
<b>Cộng</b>	<b>760.973</b>	<b>11.329.382</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Các khoản bị phạt	1.695.503.997	
- Các khoản khác	(1.364.800.065)	206.482.032
<b>Cộng</b>	<b>330.703.932</b>	<b>206.482.032</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>3.954.802.308</b>	<b>6.135.214.816</b>
Chi phí nhân viên	2.525.321.834	4.110.022.600
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	5.000.006	14.999.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	592.504.224	599.564.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	462.106.297	1.181.686.617
Chi phí bằng tiền khác	369.869.947	228.941.364
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.060.517.943	48.616.325.847
Chi phí nhân công	10.858.716.634	45.427.507.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.130.300.586	1.086.174.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.477.926.268	3.572.883.668
Chi phí bằng tiền khác	369.869.947	228.941.364
<b>Cộng</b>	<b>28.897.331.378</b>	<b>98.931.832.839</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	399.573.781	1.130.380.411
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	330.671.829	202.940.548
+ Chi phí không được trừ	330.671.829	202.940.548
Tổng thu nhập chịu thuế	730.245.610	1.333.320.959
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	146.049.122	266.664.192
<b>6.11 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	253.524.659	863.716.219
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>86</b>	<b>292</b>

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

### 8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### 8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

#### Năm nay

Chỉ tiêu	Hàng hóa, Thành phẩm	Xây dựng	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.429.613.250	30.494.557.930	-	33.924.171.180
Giá vốn	3.199.442.436	25.675.238.965	-	28.874.681.401
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	230.170.814	4.819.318.965	-	5.049.489.779
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>1.130.300.586</b>

#### Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

#### Năm trước

Chỉ tiêu	Hàng hóa, Thành phẩm	Xây dựng	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.062.643.307	127.959.732.314	-	139.022.375.621
Giá vốn	10.840.676.810	120.203.362.979	-	131.044.039.789
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	221.966.497	7.756.369.335	-	7.978.335.832
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>1.136.381.818</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>433.373.526</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)****Năm nay**

Chỉ tiêu	Nam Định	Phú Thọ	Thái Bình	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	11.336.041.949	5.527.443.354	10.126.898.899	6.933.786.978	33.924.171.180
Tài sản bộ phận					13.522.549.080
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					-

**Năm trước**

Chỉ tiêu	Nam Định	Phú Thọ	Thái Bình	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	11.297.642.658	40.077.107.711	17.351.786.325	70.295.838.927	139.022.375.621
Tài sản bộ phận					14.644.023.210
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					-

Mẫu số B 09 - DN

#### 8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

#### 8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

#### 8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ngày 31/12/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.077.394.779		6.077.394.779
Phải thu khách hàng	2.076.033.882	-	2.076.033.882
Phải thu về cho vay	8.000.000.000	-	
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	5.507.082	-	5.507.082
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.158.935.743</b>	<b>-</b>	<b>8.158.935.743</b>
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>16.158.935.743</b>	<b>-</b>	<b>8.158.935.743</b>
Ngày 01/01/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.630.617.029		1.630.617.029
Phải thu khách hàng	24.010.490.006	-	24.010.490.006
Phải thu về cho vay	-	-	
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	-	248.689.654	248.689.654
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.641.107.035</b>	<b>248.689.654</b>	<b>25.889.796.689</b>
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	3.200.000.000	2.550.000.000	5.750.000.000
Phải trả người bán	11.558.754.743	-	11.558.754.743
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	12.000.084	-	12.000.084
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.770.754.827</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>17.320.754.827</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.870.352.208</b>	<b>(2.301.310.346)</b>	<b>8.569.041.862</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	
Các khoản phải thu về cho vay	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.081.540.964	24.010.490.006	2.081.540.964	24.010.490.006	
Tài sản tài chính khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.077.394.779	1.630.617.029	6.077.394.779	1.630.617.029	
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.158.935.743</b>	<b>25.641.107.035</b>	<b>16.158.935.743</b>	<b>25.641.107.035</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	-	5.750.000.000	-	5.750.000.000	
Phải trả người bán	-	11.558.754.743	-	11.558.754.743	
Phải trả khác	-	12.000.084	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>17.320.754.827</b>	<b>-</b>	<b>17.308.754.743</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**8.7 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan****b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	94.804.000
Ông Vi Trung Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	89.350.000
Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát	54.254.788
Ông Trần Văn Bảy	TV Ban kiểm soát	65.153.400
Ông Hoàng Minh Tuấn	TV Ban kiểm soát	58.846.154
<b>Tổng cộng</b>		<b>362.408.342</b>

**8.8 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.10 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập



Nguyễn Minh Khuê

Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Mên

Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn